

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/DS-ST
Ngày: 28 – 9 – 2020
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yên Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước**

2. Ông **Phan Văn Chiếu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Yến Phi** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn:* Chị **Châu Việt C**, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp A, xã Phước Long, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:*

Anh có làm chủ dây hội loại hội 5.000.000 đồng mở ngày 30/9/2018 âm lịch, gồm 18 phần hội, mỗi tháng khui một lần vào ngày 30 hàng tháng. Chị C tham gia 01 chung. Chung hội này chị C đóng được 02 kỳ hội sống và hốt hội ở kỳ hội thứ

ba (ngày 30/11/2018 al), bỏ hội 2.000.000 đồng, hốt được số tiền: 02 kỳ chết x 5.000.000đ + 15 kỳ sống x 3.000.000đ – còn 2.500.000đ = 52.500.000đ. Sau khi hốt hội thì chị C đóng được đến kỳ thứ 5 (khui ngày 30/01/2019 al), từ kỳ hội thứ 6 (khui ngày 30/02/2019 al) thì chị C không đóng hội đến nay. Chung hội này đã mãng vào ngày 30/02/2020 âm lịch. Tính đến khi mãng hội chung hội này chị C còn nợ anh là 13 kỳ hội chết với số tiền 65.000.000đ. Tại đơn khởi kiện anh yêu cầu chị C trả cho anh số tiền 100.000.000 đồng nhưng nay anh xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh, anh chỉ yêu cầu chị C trả cho anh số tiền hội là 65.000.000 đồng của chung hội 5.000.000đ của dây hội mở ngày 30/9/2018 al đã mãng hội vào ngày 30/02/2020 al. Đối với 02 chung hội 2.000.000đ của dây hội mở ngày 10/6/2018 al do hội chưa mãng nên nay anh xin rút lại yêu cầu số tiền 35.000.000đ trong số tiền khởi kiện là 100.000.000đ đối với hai chung hội này, đến khi nào mãng hội thì anh sẽ yêu cầu sau. Tại phiên tòa, anh yêu cầu tính lãi trên số tiền 65.000.000đ từ ngày mãng hội là ngày 30/02/2020 âm lịch cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Ngoài ra anh không còn yêu cầu gì khác.

Chị T thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của anh, chị T không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Bị đơn chị Châu Việt C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

Theo lời khai của chị C tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, chị C thừa nhận dây hội mở ngày 30/9/2018 âm lịch loại hội 5.000.000 đồng do anh T làm chủ chị C có tham gia 01 chung và đã hốt, chị C còn nợ lại 13 lần hội với số tiền là 65.000.000 đồng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T, buộc chị Châu Việt C có nghĩa vụ trả cho anh T và chị T số tiền 68.006.250 đồng, trong đó tiền hội là 65.000.000 đồng và tiền lãi là 3.006.250 đồng. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu của anh T đối với số tiền 35.000.000 đồng.

Về án phí: Chị C phải chịu 3.400.312 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh T khởi kiện yêu cầu chị C trả tiền hội, chị C đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải

quyết là đúng thẩm quyền. Chị C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị C là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Theo lời khai của chị C tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, chị C thừa nhận có tham gia 01 phần hội loại hội tháng 5.000.000 đồng mở ngày 30/9/2018 âm lịch do anh T làm chủ, chị C đã hốt hội và còn nợ lại anh T 13 lần hội với số tiền là 65.000.000 đồng. Như vậy, việc chị C có tham gia hội của dây hội 5.000.000 đồng mở ngày 30/9/2018 âm lịch do anh T làm chủ và còn nợ anh T số tiền hội 65.000.000 đồng là thực tế có xảy ra, do đó, nay anh T yêu cầu chị C phải trả lại cho anh T số tiền hội còn nợ 65.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi: Do chị C không thực hiện nghĩa vụ góp hội theo thỏa thuận, anh T phải bỏ tiền ra góp hội thay cho chị C nên việc anh T yêu cầu chị C phải trả tiền lãi trên số tiền góp hội là phù hợp theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa anh T yêu cầu tính lãi trên số tiền hội mà chị C còn nợ từ ngày mãn hội là 30/02/2020 âm lịch (nhằm ngày 23/3/2020 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2020) là 06 tháng 05 ngày với mức lãi suất 9%/năm là: 65.000.000 đồng x 09%/năm x 05 tháng 06 ngày = 3.006.250 đồng. Anh T xác định số tiền đóng hội thay cho chị C là của vợ chồng anh T. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc chị C phải trả cho anh T và chị T số tiền hội còn nợ là 65.000.000 đồng và tiền lãi là 3.006.250 đồng, tổng cộng là 68.006.250 đồng.

[5] Tại phiên tòa anh T rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị C trả số tiền hội là 35.000.000đ, xét thấy việc anh T rút một phần đơn khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu chị C trả số tiền hội 35.000.000 đồng.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T đối với chị Châu Việt C. Buộc chị Châu Việt C có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T số tiền 68.006.250 đồng (Sáu mươi tám triệu không trăm lẻ sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng), trong đó tiền hui là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 3.006.250 đồng (Ba triệu không trăm lẻ sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T yêu cầu chị Châu Việt C trả số tiền hui là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

4. Về án phí: Chị Châu Việt C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.400.312 đồng. Các đương sự khác không phải chịu án phí. Anh Trần Văn T đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009262 ngày 28/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly